TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 6 - 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 355/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Huệ M, sinh năm 1996 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp H thị trấn P, huyện P, tỉnh BL.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Huệ M trình bày: Chị và anh Hồ Văn T sống chung vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh BL. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và có quá nhiều bất đồng nên thường xảy ra cự cải, đã sống ly thân từ năm 2014. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M xác định có 01 con chung tên Hồ Nhật H, sinh ngày 03/01/2015, hiện cháu H đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Hồ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh BL nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị M cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T có quá nhiều bất đồng trong cuộc sống không thể dung hòa được nên thường xuyên xảy ra cự cãi và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện nay chị và anh T mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận theo như trình bày của chị M. Do mâu thuẫn giữ chị M và anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị M xác định có 01 người con chung tên Hồ Nhật H, sinh ngày 03/01/2015. Hiện cháu H đang sống chung với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H hiện nay vẫn còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Mặc khác, từ khi sinh ra cho đến nay cháu H vẫn đang sống chung với chị M và chị M xác định có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao cháu H cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình chị M phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Huệ M.

Về hôn nhân: Chị Trần Huệ M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Hồ Nhật H, sinh ngày 03/01/2015 hiện đang sống chung với chị M cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy. Không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị M phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), vào ngày 22/4/2019, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000007 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.CM;
- Chi cục THADS tp.CM;
- UBND thị trấn P, Huyện P, tỉnh BL;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

Hội thẩm nhân dân ***Chủ tọa phiên tòa*** ***Hội thẩm nhân dân***

Nguyễn Hoàng Kha **Trần Huyền Trân** **Trần Thị Cúc**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2019.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc.

2. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 355/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Huệ M, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hành Chính, thị trấn Phước Long, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

`HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Huệ M.

Về hôn nhân: Chị Trần Huệ M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

Biểu quyết 3/3

Về con chung: Giao cháu Hồ Nhật Hương, sinh ngày 03/01/2015 hiện đang sống chung với chị M cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy. Không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Biểu quyết 3/3.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Biểu quyết 3/3.

Về nợ chung: Không có, không xem xét.

Biểu quyết 3/3.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị M phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), vào ngày 22/4/2019, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000007 được chuyển thu.

Biểu quyết 3/3.

Chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Hoàng Kha	**Trần Thị Cúc**	**Trần Huyền Trân**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.CM;
- Chi cục THADS tp.CM;
- UBND thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Huyền Trân